

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 17-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/9/1979; Tên gọi khác: T4; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T2 (đã chết) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1949; Có chồng là Lãng Đình G (đã chết) và 01 con (sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại tại xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

2. Ông Đinh Quang V, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

3. Ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

4. Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T, sinh năm 1976 ở thôn N N, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/3/2015, lần hai ngày 07/7/2016, mã số thuế 2600319810 với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có kinh doanh đồ điện gia dụng, văn phòng phẩm đồ dùng học sinh, thiết bị dụng cụ trường học, hàng thể thao, quần áo may sẵn... Hóa đơn bán hàng được mua, đăng ký và thông báo phát hành tại Chi cục thuế Đoàn Hùng. Quá trình kinh doanh, Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 là em gái T tham gia góp vốn cùng T. Việc góp vốn kinh doanh H và T chỉ thỏa thuận miệng.

Từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2017, T mua 11 quyền hóa đơn bán hàng (loại hóa đơn của hộ kinh doanh) và thông báo phát hành hóa đơn tại Chi cục thuế huyện Đoàn Hùng. H là người trực tiếp bán hàng tạp hóa, văn phòng phẩm và viết hóa đơn. Trong thời gian này, kế toán của một số đơn vị không mua hàng hóa của H mà mua hàng hóa của các hộ kinh doanh nhỏ, lẻ bên ngoài không có chức năng xuất hóa đơn bán hàng, hoặc chỉ mua hàng hóa của H với số lượng ít nhưng có nhu cầu mua hóa đơn để làm chứng từ quyết toán nên H đã xuất bán hóa đơn bán hàng cho những người này để thu lời. H và người mua hóa đơn thỏa thuận người mua hóa đơn cung cấp nội dung hàng hóa, họ tên người mua, sau đó H viết hóa đơn và cung cấp liên 2 hóa đơn cho người mua. Mỗi hóa đơn xuất bán H thu 3% số tiền ghi không trên các tờ hóa đơn. Để hợp thức cho việc mua bán hóa đơn, H và những người mua hóa đơn đã tự tạo ra các hợp đồng, việc mua bán hóa đơn được thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, H chỉ giữ lại tiền bán hóa đơn và tiền mua hàng thực tế theo thỏa thuận, số tiền còn lại thanh toán trả cho bên mua hóa đơn. H đã trực tiếp bán trái phép 19 hóa đơn bán hàng không với tổng doanh số 141.231.626đ cho 03 cá nhân thuộc 04 đơn vị, thu về 4.236.000đ, trong đó H thực hiện nghĩa vụ nộp thuế 2.118.474đ, còn lại H sử dụng cá nhân 2.117.526đ. Các hóa đơn mua của hộ kinh doanh Nguyễn Duy T do H bán trái phép đã được các đơn vị sử dụng làm chứng từ quyết toán tài chính, trong đó đã quyết toán 16 hóa đơn, còn 03 hóa đơn chưa quyết toán. Cụ thể việc mua bán hóa đơn như sau:

1. Hành vi mua bán hóa đơn giữa Nguyễn Thị Thu H với trường Tiểu học Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Trong các năm 2016 và 2017, ông Đinh Quang V, sinh năm 1966 là kế toán của trường tiểu học Đ đã mua quần áo, trang phục đội, thiết bị điện và phong văn phòng của bà Đỗ Thị H2 ở xã Đ và bà Vũ Thị P ở xã C để sử dụng vào công việc chung của nhà trường. Do những cá nhân trên không có hóa đơn bán hàng nên ông V đã trực tiếp mua 09 hóa đơn không của H với tổng doanh số bán hàng là 40.412.626đ. Ông V phải trả cho H 3% tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 1.212.000đ.

2. Hành vi mua bán hóa đơn giữa Nguyễn Thị Thu H với trường Tiểu học C, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Trong các năm 2016 và 2017, ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1971 là kế toán của trường tiểu học C mua các thiết bị y tế, văn phòng phẩm của một số cửa hàng kinh doanh nhỏ lẻ không có hóa đơn và mua bảng từ của chị Nguyễn Thị H3 ở xã C sử dụng vào công việc chung của nhà trường. Để có chứng từ quyết toán, ông T1 đã trực

tiếp mua 03 tờ hóa đơn khống của H với tổng doanh số là 11.970.000đ. Ông T1 phải trả H 3% tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 359.000đ.

3. Hành vi mua bán hóa đơn giữa Nguyễn Thị Thu H với UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Giang

Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1979 là kế toán của UBND xã H từ năm 2014 đến tháng 8/2017. Trong thời gian anh Q mua hàng tạp hóa, văn phòng phẩm cho UBND xã H không có hóa đơn bán hàng. Để có chứng từ quyết toán, anh Q đã trực tiếp mua 05 hóa đơn khống của H với doanh số 59.363.000đ. Anh Q phải trả cho H 3% tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 1.781.000đ.

4. Hành vi mua bán hóa đơn giữa Nguyễn Thị Thu H với UBND xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang

Tháng 9/2017, anh Nguyễn Anh Q chuyển công tác từ UBND xã H đến UBND xã T làm kế toán. Anh Q được UBND xã T giao phối hợp cùng các bộ phận chuyên môn mua hàng phục vụ cho UBND xã, để có chứng từ quyết toán, anh Q trực tiếp mua 02 hóa đơn khống của H với doanh số 29.486.000đ. Anh Q phải trả cho H 3% tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 884.000đ.

Như vậy, Nguyễn Thị Thu H đã bán tổng số 19 hóa đơn khống cho 3 người với tổng doanh thu ghi trên hóa đơn bán hàng là 141.231.626đ, thu về số tiền 4.236.000đ. Bị cáo đã tự nguyện nộp 4.236.000đ tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Tại Bản cáo trạng số: 16/KSĐT-TA, ngày 04/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 164a, các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Thị Thu H từ 06 đến 09 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho anh Nguyễn Duy T 11 quyển hóa đơn và 01 giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.117.526đ của bị cáo do phạm tội mà có.

- Trả lại cho bị cáo số tiền là 2.118.474đ do không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra,

hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2017, Nguyễn Thị Thu H là người của cơ sở kinh doanh hàng tạp hóa đã có hành vi bán trái phép 19 hóa đơn bán hàng khống cho 03 cá nhân là kế toán của 02 UBND xã và 02 trường tiểu học với tổng số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn là 141.231.626đ. Bị cáo thu 3% doanh số ghi trên hóa đơn được 4.236.000đ. Số tiền trên, Nguyễn Thị Thu H đã quyết toán nộp thuế cho Chi cục Thuế huyện Đoàn Hùng 2.118.474đ, số tiền còn lại là 2.117.526đ, H sử dụng chi tiêu cá nhân.

Hành vi bán trái phép 19 hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung nhưng nội dung không đầy đủ, không chính xác theo quy định và không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 164a quy định:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý thu thuế của Nhà nước.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Hiện chồng bị cáo đã chết, một mình bị cáo nuôi con nhỏ, bị cáo đang mắc bệnh được Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội chẩn đoán “Liệt tứ chi TR viêm tủy cổ”.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có, tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bố bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ của bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, chồng của bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội nên chỉ cần xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục, mà không cần thiết phải áp dụng hình phạt

tù giam như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền bị cáo đã nộp là 4.236.000đ, trong đó có 2.117.526đ do phạm tội mà có sẽ tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền còn lại là 2118.474 không liên quan đến việc phạm tội sẽ trả lại cho bị cáo.

- 11 quyền hóa đơn và 01 giấy phép đăng ký kinh doanh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoàn Hùng đã trả cho ông Nguyễn Duy T cần xác nhận.

[7]. Đối với ông Đinh Quang V, ông Phạm Hồng T1 và ông Nguyễn Anh Q là người đã trực tiếp mua và sử dụng hóa đơn nêu trên. Xét thấy số lượng hóa đơn và số lượng hàng hóa ghi trong hóa đơn do các cá nhân này mua chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Bản thân các cá nhân này chưa bị kết án về tội mua bán trái phép hóa đơn, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên không phạm tội. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Đoàn Hùng đã ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[8]. Đối với ông Nguyễn Duy T là người đứng tên đăng ký kinh doanh, tuy bị cáo H là em gái cùng chung vốn kinh doanh, nhưng ông T không biết việc H bán trái phép 19 hóa đơn như nêu trên. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông T là đúng quy định.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 164a của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H (Tên gọi khác: T4) phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.117.526đ (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng) của bị cáo do phạm tội mà có.

- Trả lại cho bị cáo số tiền là 2.118.474đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm bảy bốn đồng) do không liên quan đến việc phạm tội.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoàn Hùng đã trả cho ông Nguyễn Duy T 11 quyền hóa đơn và 01 giấy phép đăng ký kinh doanh.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng đang quản lý).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Vũ Thường